

Phụ lục 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Tờ trình số 214/TTr-STNMT ngày 25/4/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên hoạt động tại dự án.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải đối với nước thải sinh hoạt

2.1. Dòng nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải vệ sinh, nước thoát sàn và nước thải nhà bếp. Nước thải vệ sinh và nước thải nhà bếp được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn và bể tách dầu mỡ; Nước thoát sàn phát sinh từ các thiết bị vệ sinh và chậu rửa được thu gom theo đường ống dẫn qua các hố ga. Toàn bộ nước thải sinh hoạt được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi được thu gom về bể thu phân; nước thải sau khi tách ép phân được đưa vào hệ thống bể biogas rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao nước mặt nằm trong khuôn viên dự án thuộc địa phận thôn Nam Hương 1, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2.3. Vị trí xả nước thải:

a) Vị trí xả thải: 01 vị trí xả thải tại cửa xả nước thải sau xử lý chảy vào nguồn tiếp nhận là ao nước mặt nằm trong khuôn viên dự án thuộc địa phận thôn Nam Hương 1, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

b) Tọa độ vị trí xả thải của dự án (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°*):

$$X(m) = 2.413.850; Y(m) = 396.486.$$

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $75,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (*trương đương $3,14 \text{ m}^3/\text{giờ}$*).

a) Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tự chảy theo đường cống thoát nước thải nhà nguồn tiếp nhận là ao nước mặt nằm trong khuôn viên dự án thuộc địa phận thôn Nam Hương 1, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

b) Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm.

c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

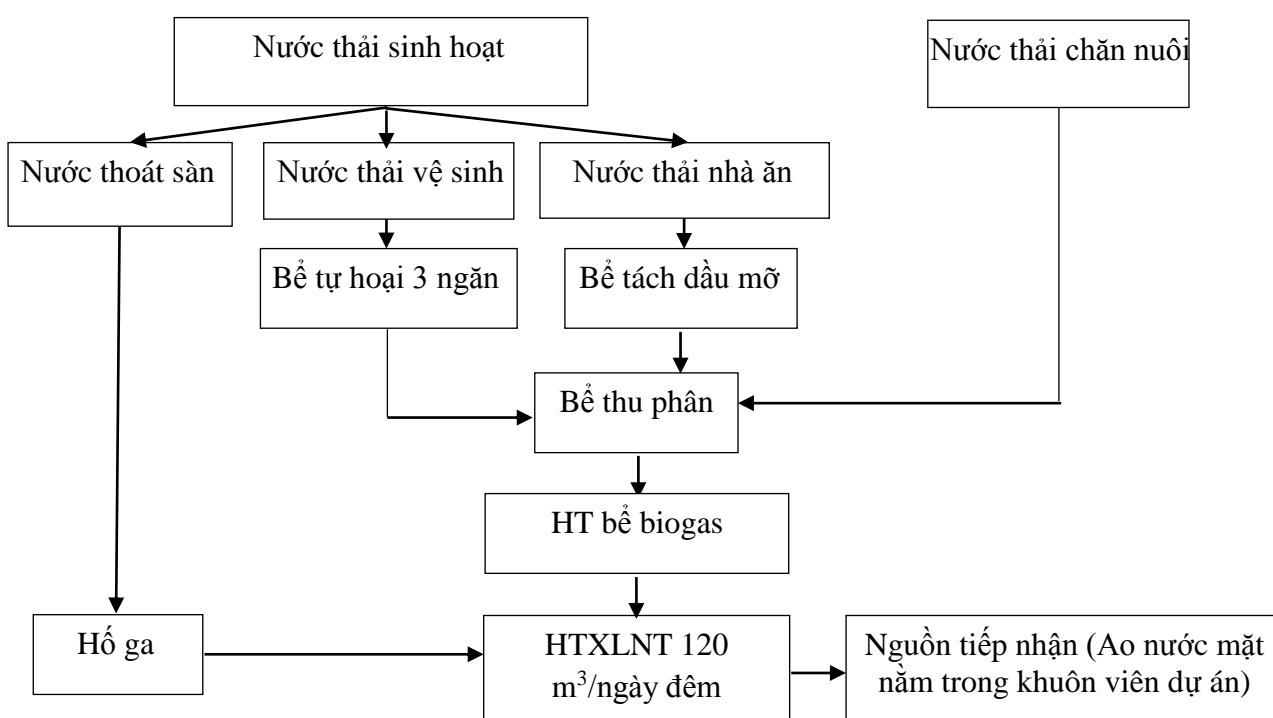
Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sau xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận đáp ứng yêu cầu chất lượng theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B ($K_q = 0,6$, $K_f = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD ₅	mg/l	72		
3	COD	mg/l	216		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	108		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	108		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

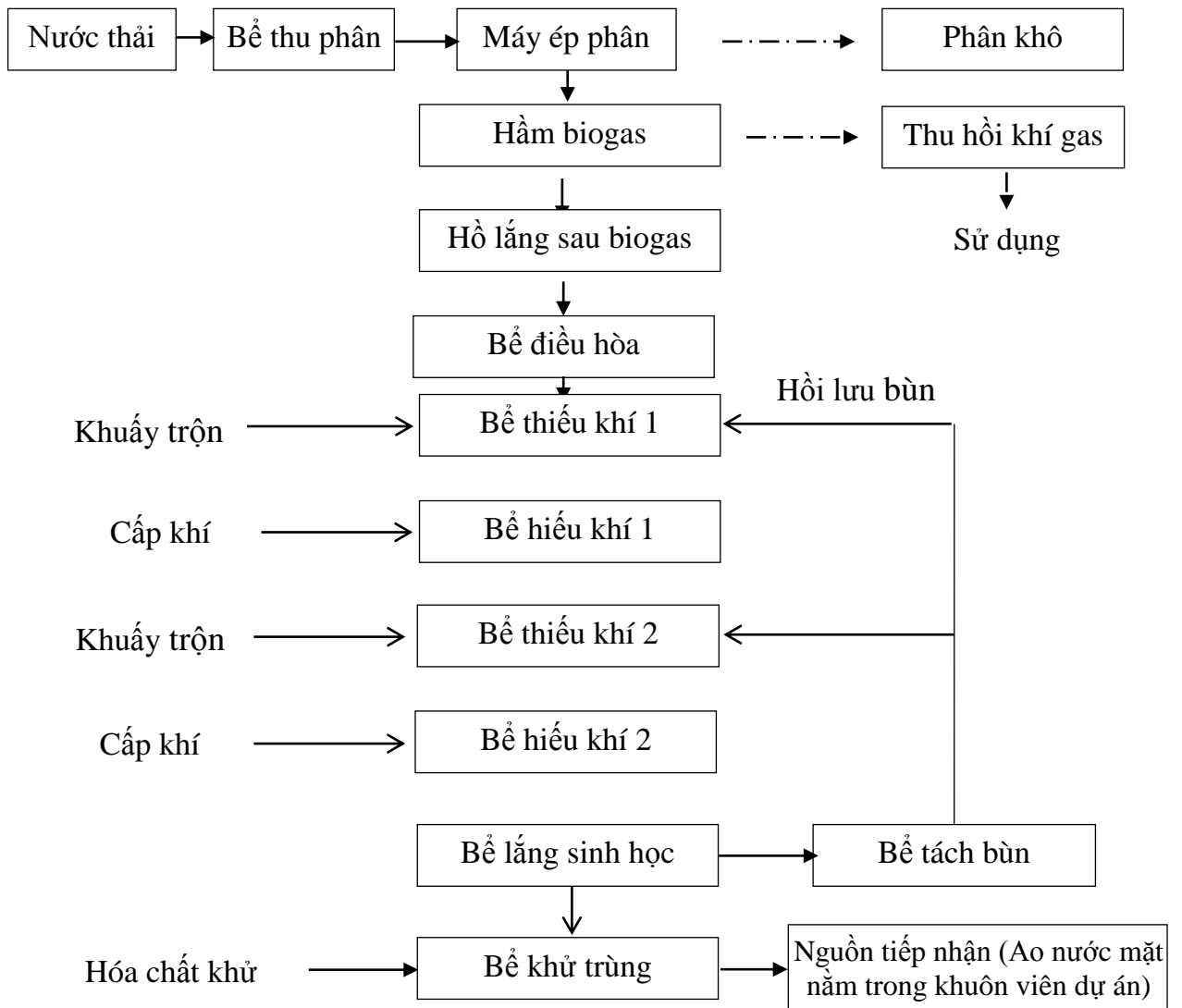
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tại dự án như sơ đồ hình sau:



b) Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl.

Nồng độ sử dụng: 7%.

Liều lượng hóa chất cần dùng: 3 lít/100m³.

Thể tích hóa chất sử dụng trong 1 ngày: $(3/100) \times 120 = 3,6$ lít/ngày.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định, khi gặp sự cố sẽ khắc phục kịp thời và kịp thời sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố.

- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ, theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường. Ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

- Bố trí các thiết bị dự phòng đối với các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, máy thổi khí, phao, van, cánh khuấy,... để hoạt động luân phiên và thay thế khi cần thiết.

- Xây dựng hồ sự cố thể tích 286,6 m³, trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn. Nước thải tại bể chứa nước thải sau xử lý sẽ được bơm qua hồ sự cố để lưu chứa. Sau khi hệ thống khắc phục được sự cố, nước thải sẽ được bơm ngược hồ điều hòa để tiếp tục xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B (Kq=0,6, Kf=0,9) trước khi thải ra ao nước mặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải	Thời gian bắt đầu sau khi hoàn thành xây dựng các công trình bảo vệ môi trường	Sau 04 tháng khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	80% công suất

Ghi chú: Trước khi vận hành thử nghiệm chủ dự án sẽ thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình của dự án cho cơ quan chức năng trước 10 ngày (kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải) để theo dõi và giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Vị trí lấy mẫu; tần suất lấy mẫu; chất ô nhiễm, giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Thông số chất ô nhiễm	Quy chuẩn so sánh
Tại vị trí xả nước thải ra ao tiếp nhận nước thải	- Lấy mẫu đơn: 03 mẫu/03 ngày liên tiếp. - Thời gian quan trắc: giai đoạn vận hành thử nghiệm	pH, BOD ₅ , COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform	QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, cột B (Kq=0,6, Kf=1,2)

Ghi chú: Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

- Chủ dự án chủ động thông báo ngày lấy mẫu vận hành ổn định cho cơ quan chức năng trước 10 ngày để theo dõi và giám sát.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký, ghi chép theo dõi việc vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý nước thải của dự án để tránh xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý nước thải.

3.4. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với việc xả nước thải ra môi trường theo các quy định hiện hành./.

Phụ lục 02
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-STNMT ngày /4/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh tại dự án được thể hiện trong bảng sau:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ	18 02 01	Rắn	24
2	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm chai lọ thú y)	18 01 03	Rắn	240
3	Bao bì mềm (bao gồm bao bì thuốc thú y)	18 01 01	Rắn	120
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	6
5	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	48
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	Rắn/lỏng	120
7	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại phát sinh quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	Rắn	84
8	Pin thải	19 06 01	Rắn	6
9	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	12
10	Các loại thuốc thú y thải khác có chứa các thành phần nguy hại	13 02 04	Rắn	48
11	Gia súc chết (do dịch bệnh)	14 02 01	Rắn	297.000
Tổng				297.708

1.2. Khối lượng chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường phát sinh.

STT	Thành phần	Khối lượng	Đơn vị
1	Phân lợn sau ép	947.138,5	Kg/năm
2	Xác lợn chết không do dịch bệnh	5.073,5	Kg/năm
3	Bao bì thức ăn thải bỏ	1.635,2	Kg/năm
4	Thức ăn dư thừa	83.074	Kg/năm
Tổng cộng		1.036.921,2	Kg/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa...); Các loại phế thải khó phân huỷ như: bao bì, vỏ thùng, giấy các loại, vỏ đồ uống bằng nhựa, thủy tinh, kim loại... Tổng lượng phát sinh lớn nhất là 8kg/ngày.

1.4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 9.015,5 kg/năm; Bùn thải phát sinh từ bể Biogas khoảng 43.763,5 kg/năm; Bùn thải từ bể tự hoại 1.606 kg/năm. Các loại bùn thải sẽ được chủ dự án lấy mẫu, phân tích trong giai đoạn vận hành thử nghiệm đánh giá xem có thuộc danh mục CTNH hay không để có biện pháp xử lý tương ứng, cụ thể:

a) Trường hợp bùn thải thuộc danh mục CTNH, chủ dự án sẽ thực hiện thu gom, lưu chứa và thuê đơn vị đến vận chuyên, xử lý như CTNH.

b) Trường hợp bùn thải không thuộc danh mục CTNH, chủ dự án sẽ thực hiện thu gom và xử lý như CTR công nghiệp thông thường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ CTR sinh hoạt, CTNH.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

a) Thiết bị lưu chứa CTNH: Bố trí 10 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng có nắp đậy. Trên các thùng chứa có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH.

b) Kho/khu vực lưu chứa CTNH: kho chứa CTNH diện tích 20 m², được lán nền xi măng và mái che mưa và trang bị các biển báo, nhà kho có mái che, sàn đổ bê tông kín có gờ chống tràn.

c) Việc thu gom, vận chuyên và xử lý CTNH thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

d) Đối với xác lợn chết do dịch bệnh: kịp thời báo cáo các cơ quan chức năng thực hiện để thực hiện các biện pháp tiêu hủy heo chết theo đúng quy định tại Quy chuẩn QCVN 01-41:2011/BNNPTNT và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn (*Quy trình khai báo dịch, sát trùng, tiêu độc, xử lý xác chết động vật*).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị, biện pháp thu gom, lưu chứa CTR công nghiệp thông thường:

- Đối với phân lợn: Bố trí 01 máy ép phân có công suất 3-5 tấn/h. Sử dụng chế phẩm phun đều lên phân lợn, kết hợp với rắc vôi bột toàn bộ nền khu nhà ép phân và xung quanh nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân lợn với tần suất 1 lần/ngày. Sau đó phân sẽ được đóng bao (loại bao PP hoặc PE) với trọng lượng 30kg/bao, buộc chặt miệng bao và chuyển về nhà chứa phân. Toàn bộ phân sau ép và phân thu gom khô sẽ được chuyển giao cho đơn vị sản xuất phân bón.

- Đối với xác lợn chết không do dịch bệnh và xác lợn chết do các bệnh thông thường: Xử lý bằng phương pháp ủ phân, lợn chết được thu gom cho vào hố hủy xác, sau quá trình phân hủy được thu gom làm phân bón theo quy định của ngành nông nghiệp. Khu vực hố hủy xác phải được giá cố nền móng chắc chắn. Bố trí hố hủy xác tại khu vực cách xa nguồn nước. Sau khi hoàn tất việc chôn, phải đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người quản lý hố chôn trong để tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm, hạn chế sự qua lại của người hay vật nuôi quanh khu vực chôn lấp.

- Đối với vỏ bao bì đựng cám, thức ăn cho lợn được thu gom và tập kết tại kho chứa cám diện tích 393,6 m², tận dụng đựng phân lợn để bán cho các hộ gia đình có nhu cầu mua bón cho cây trồng hoặc bán cho các đơn vị sản xuất phân bón.

- Đối với thức ăn thừa của lợn được công nhân gom đóng bao và đưa về khu vực nhà chứa phân có diện tích 75m² hợp đồng chuyển giao đơn vị có nhu cầu thu mua lại làm thức ăn chăn nuôi (ví dụ: nuôi cá) hoặc thuê đơn vị có chức năng của địa phương đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý.

b) Kho/khu vực lưu chứa CTR công nghiệp thông thường:

- Bố trí 01 nhà để phân và máy ép phân có diện tích 75 m², kết cấu nhà để phân và máy ép phân: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, mái lợp tole.

- Bố trí 01 hố hủy xác diện tích 84,2 m², thể tích của hố là 176 m³, dài 10m x rộng 4m x sâu 4,4m, kết cấu xây gạch chỉ đặc, vữa xi măng mác 75, đáy đổ bê tông mác 100 đá 4x6, có trải bạt chống thấm HPDE bề dày 2mm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa CTR sinh hoạt: Tại khu vực nhà ở công nhân, bếp ăn, nhà vệ sinh bố trí xô đựng rác với dung tích từ 5 - 100 lít để thu gom rác thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.

b) Bố trí khu vực chứa các thùng đựng rác sinh hoạt ngoài khu vực công chính với diện tích 20 m². Hợp đồng với đơn vị thu gom rác trên địa bàn huyện Bắc Sơn đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 1-2 tuần/lần).

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Chủ dự án có trách nhiệm đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ, ngộ độc khí gas; sự

cố thiên tai, sét, lũ lụt; sự cố sạt lở; sự cố dịch bệnh; sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 123 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

Phụ lục 03
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-STNMT ngày /4/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép của dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể:

2.1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

2.2. Tự thực hiện quan trắc khi đáp ứng theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải. Việc quan trắc chất thải phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc quan trắc chất thải, lấy mẫu chất thải (mẫu đơn, mẫu tổ hợp) đối với các loại hình dự án thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2.5. Tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải của dự án; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, nếu chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải, chủ dự án phải thực hiện hiện nghiêm các quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể:

3.1. Dừng hoạt động hoặc giảm công suất của dự án đầu tư để bảo đảm các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và giấy phép môi trường.

3.2. Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

3.3. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời

tới cơ quan cấp Giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.4. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu./.